

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/ 2022

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Rô

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Lâm

Ông Đinh Muôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tĩnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Y Lúa, Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Hà R, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn C , xã L , huyện M , tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn C , xã L , huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Võ Thị Hiếu, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

4. *Người phiên dịch:* Bà Đinh Thị S, công tác tại Hội liên hiệp phụ nữ xã T , huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2022, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/6/2022, tại phiên tòa ông Đinh Hà R trình bày:*

Ông Đinh Hà R và bà Đinh Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay chưa đăng ký kết hôn. Từ khi chung sống như vợ chồng, ông R và bà L sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Việc mâu thuẫn giữa ông R và bà L hai bên gia đình đều biết và đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Ông R và bà L không chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Nay tình cảm giữa ông R với L không còn, nên ông Đinh Hà R yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đinh Thị L.

Về con chung: Ông Đinh Hà R bà Đinh Thị L có hai con chung là Đinh Thị Th, sinh năm 1999 và Đinh Văn B, sinh ngày 07/4/2003. Hai con chung đều đã trưởng thành, chị Th đã có chồng con, anh B ở nhà, tự làm nuôi bản thân.

Về tài sản chung: Ông Đinh Hà R không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/6/2022 bà Đinh Thị L trình bày:*

Bà Đinh Thị L và ông Đinh Hà R tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay chưa đăng ký kết hôn. Từ khi chung sống như vợ chồng bà L và ông R hạnh phúc đến năm 2018, từ năm 2019 bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng hai bên gia đình đều biết và đã hòa giải nhiều lần. Bà L và ông R đã không chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đinh Thị L đồng ý ly hôn với ông Đinh Hà R.

Về con chung: Bà L và ông R có hai con chung là Đinh Thị Th, sinh năm 1999 và Đinh Văn B, sinh ngày 07/4/2003. Hai con chung đều đã trưởng thành, chị Th đã có chồng con, anh B ở nhà đi làm keo với mọi người. Bà L không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đinh Thị L không yêu cầu Tòa giải quyết.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Theo chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa có cơ sở xác định ông R, bà L đã ly thân, hiện nay tình cảm giữa ông R, bà L không còn. Cuộc sống chung của ông R và bà L thường hay xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông R làm đơn ly hôn với bà L, và bà L cũng đồng ý ly hôn với ông R. Mặc dù hai bên đã được động viên thuyết phục để ông R, bà L về chung sống với nhau để làm ăn, xây dựng gia đình và tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông R, bà L không đồng ý quay lại chung sống với nhau. Bà L vẫn giữ nguyên quan điểm không quay

lại sống chung và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ theo quy định tại Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị L và ông Đinh Hà R.

** Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát:*

- Ý kiến về việc trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 9, 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ của ông Đinh Hà R và bà Đinh Thị L; về con chung: Đinh Thị Th, sinh năm 1999 và Đinh Văn B, sinh ngày 07/4/2003. Hai con chung đều đã trưởng thành, chị Thiên đã có chồng con, anh B ở nhà đi làm nuôi bản thân. Ông R, bà L không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí dân sự, miễn cho ông Đinh Hà R theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại thời điểm Ông Đinh Hà R khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đinh Thị L thì bà L đang cư trú tại thôn C, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý vụ án “Ly hôn” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Hà R là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Đinh Thị L là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Đinh Hà R yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bị đơn bà Đinh Thị L, bà L đồng ý ly hôn với ông R nhưng ông R và bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm tại điều 9 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn ông Đinh Hà R và biên bản ghi lời khai của bị đơn bà Đinh Thị L và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn, bị đơn đã cung

cấp trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Vào năm 1997, ông R và bà L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng. Từ năm 2019, ông R và bà L thường xuyên cãi nhau, ông R cho rằng bà L có quan hệ ngoại tình nên giữa ông R và bà L xảy ra mâu thuẫn, phần ai nấy sống, không ai quan tâm, không ai chăm sóc cho ai, tình cảm giữa ông R và bà L không còn nên ông R yêu cầu được ly hôn với bà L, bà L cũng đồng ý ly hôn với ông R nhưng do ông R và bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa ông R và bà L không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không giải quyết ly hôn cho các đương sự, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông R và bà L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Ông R và bà L có hai con chung là Đinh Thị Th, sinh năm 1999 và Đinh Văn B, sinh ngày 07/4/2003. Hai con chung đều đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự; chị Th, anh B đủ khả năng lao động và tự nuôi bản thân. Ông R, bà L không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Ông Đinh Hà R, bà Đinh Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Ông Đinh Hà R được miễn án phí dân sự sơ thẩm do ông Đinh Hà R là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, các điều 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đinh Hà R và bà Đinh Thị L.

2. Về con chung: Ông Đinh Hà R và bà Đinh Thị L có hai con chung đều đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự và đủ sức lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Đinh Hà R và bà Đinh Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đinh Hà R.

5. Ông Đinh Hà R có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đinh Thị L vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M ;
- Trung tâm TGPL;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS huyện M ;
- UBND xã L ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Rô

